

| TT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lớp học                        | Học phần                                                | Giảng viên                           | Thời gian           | Phòng học        | Kết quả theo dõi |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|------------------|------------------|
| <p><i>Đề nghị các học viên cao học khoá 2024 đợt 2 và 2025 đợt 1, 2 điểm danh bằng máy nhận diện khuôn mặt. Cùng với kết quả theo dõi học tập trên lớp của thầy/cô, kết quả điểm danh này là cơ sở để xác định điều kiện dự thi kết thúc học phần của mỗi học viên. Thời gian học sáng bắt đầu từ 08h00, chiều bắt đầu từ 14h00. Mọi thắc mắc xin gửi về E-mail: sdh@vimaru.edu.vn hoặc gặp trực tiếp chuyên viên trực tại phòng 203 A6.</i></p> <p><i>Phòng Khảo thí và ĐBCL triển khai kiểm tra công tác Giảng dạy và học tập theo kế hoạch.</i></p> |                                |                                                         |                                      |                     |                  |                  |
| <p><i>Thông báo: Giao ban đào tạo sau đại học khóa 2024.2, 2025.1 và 2, 2026.1 vào hồi 15h45 chiều Chủ nhật ngày 13/9/2026</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                |                                                         |                                      |                     |                  |                  |
| 1.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | KTĐH 2025.2.1<br>KTĐH 2026.1.1 | Hệ thống thông tin đo lường                             | Trần Sinh Biên                       | Cả ngày T7          | 802 A6           |                  |
| 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | KTĐT 2025.2.1                  | Xử lý số tín hiệu nâng cao                              | Lê Quốc Vượng                        | Cả ngày T7          | 205 A6           |                  |
| 3.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | KTĐT 2026.1.1                  | An ten và truyền sóng nâng cao                          | Nguyễn Thanh Vân                     | Cả ngày T7          | 806 A6           |                  |
| 4.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | QLCA 2025.2.1<br>QLCA 2026.1.1 | Quản lý dự án hàng hải                                  | Nguyễn Thị Hồng Hạnh                 | Cả ngày T7          | 910 A6           |                  |
| 5.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | QLMT 2025.2.1<br>QLMT 2026.1.1 | Phương pháp nghiên cứu khoa học                         | Trần Việt Dũng                       | Cả ngày T7          | 209 A6           |                  |
| 6.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | KTMT 2025.2.1<br>KTMT 2026.1.1 | Phương pháp nghiên cứu khoa học                         | Trần Việt Dũng                       | Cả ngày T7          | 209 A6           |                  |
| 7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | CNTT 2025.1.1<br>CNTT 2025.2.2 | Học máy nâng cao<br>Các hệ thống mã nguồn mở và di động | Lê Quyết Tiến<br>Nguyễn Duy T. Giang | Sáng CN<br>Chiều CN | 209 A6<br>302 A6 |                  |
| 8.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | CNTT 2025.1.1<br>CNTT 2025.2.2 | Tương tác người và máy nâng cao                         | Hồ Thị Hương Thơm                    | Sáng T7             | 414 A4           |                  |
| 9.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | CNTT 2025.2.1<br>CNTT 2026.1.1 | Kiến trúc máy tính nâng cao                             | Nguyễn Trọng Đức                     | Cả ngày T7          | 204 A6           |                  |
| 10.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | QLHH 2025.2.1                  | Phương pháp nghiên cứu khoa học                         | Vũ Sơn Tùng                          | Cả ngày T7          | 202 A6           |                  |

|     |                                |                                                                                             |                                                        |                                |                            |  |
|-----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|--|
|     | QLHH 2026.1.1                  |                                                                                             |                                                        |                                |                            |  |
| 11. | QLSX 2025.1.1<br>QLSX 2025.2.2 | Hoạch định và điều độ sản xuất                                                              | Lê Thị Nhung                                           | Cả ngày CN                     | 202 A6                     |  |
| 12. | QLSX 2026.1.1                  | Kỹ thuật vận chuyển và xếp dỡ vật liệu                                                      | Nguyễn Lan Hương                                       | Cả ngày T7                     | 207 A6                     |  |
| 13. | CKTM 2026.1.1                  | Tự động và điều khiển quá trình                                                             | Phạm Đình Bá                                           | Chiều T7                       | 703 A6                     |  |
| 14. | QLKT 2025.1.1                  | Kinh tế học nâng cao                                                                        | Phạm Thị Hằng Nga                                      | Cả ngày T7                     | 301 A6                     |  |
| 15. | QLKT 2025.1.2                  | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                             | Phạm Thị Quỳnh Mai                                     | Cả ngày T7                     | 302 A6                     |  |
| 16. | QLKT 2025.2.1                  | Thống kê kinh tế<br>Ra quyết định trong quản lý                                             | Phùng Mạnh Trung<br>Nguyễn Thị Quỳnh Nga               | Cả ngày T7<br>Cả ngày CN       | 208 A6                     |  |
| 17. | QLKT 2025.2.2                  | Quản trị đổi mới sáng tạo                                                                   | Nguyễn Thị Quỳnh Nga                                   | Cả ngày T7                     | 303 A6                     |  |
| 18. | QLKT 2026.1.1                  | Kinh tế phát triển                                                                          | Đỗ Thị Bích Ngọc                                       | Cả ngày T7                     | 119 A4                     |  |
| 19. | QTKD 2026.1.1                  | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                             | Nguyễn Đức Tâm                                         | Cả ngày T7                     | 305 A6                     |  |
| 20. | QLTC 2026.1.1                  | Quản lý nguồn nhân lực                                                                      | Hoàng Thị Thúy Phương                                  | Cả ngày T7                     | 306 A6                     |  |
| 21. | QLVT 2025.1.1                  | Tổ chức khai thác phương tiện vận chuyển                                                    | Đặng Công Xưởng                                        | Cả ngày CN                     | 204 A6                     |  |
| 22. | QLSX 2026.1.2<br>TTG           | Kỹ thuật gia công tiên tiến<br>Quản lý hệ thống kỹ thuật<br>Phương pháp nghiên cứu khoa học | Nguyễn Anh Xuân<br>Bùi Thị Ngọc Mai<br>Lê Anh Tuấn     | Sáng T4<br>Sáng T5<br>Chiều T6 | 205 A6                     |  |
| 23. | CNTT 2026.1.2<br>TTG           | An toàn bảo mật thông tin<br>Trí tuệ nhân tạo nâng cao<br>Xử lý ngôn ngữ tự nhiên           | Hồ Thị Hương Thơm<br>Nguyễn Hạnh Phúc<br>Lê Quyết Tiến | Sáng T3<br>Sáng T5<br>Sáng T6  | 202 A6<br>317 A4<br>202 A6 |  |
| 24. | QLKT2025.1.4                   | Quản trị công ty                                                                            | Nguyễn Văn Sơn                                         | Cả ngày T7, CN                 |                            |  |
| 25. | QLKT 2026.1.4                  | Quản lý thuế                                                                                | Tô Văn Tuấn                                            | Cả ngày T7, CN                 |                            |  |

|                                   |                                                 |                                   |                                     |                                 |                        |  |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|------------------------|--|
| 26.                               | QLKT 2025.1.5                                   | Logistics                         | Nguyễn Minh Đức                     | Chiều T5, T6 và<br>cả ngày CN   |                        |  |
| 27.                               | QLVT 2026.1.2                                   | Giao nhận vận tải quốc tế         | Nguyễn Thị Thu Hương                | Cả ngày T7, CN                  |                        |  |
| 28.                               | QLKT 2025.1.6<br>QLKT 2025.2.4<br>QLKT 2026.1.5 | Dự báo kinh tế                    | Phạm Thị Thu Hằng                   | Cả ngày T7, CN                  |                        |  |
| 29.                               | QLKT 2025.2.3<br>QLKT 2026.1.3                  | Phân tích chính sách KTXH         | Quách Thị Hà                        | Cả ngày T7, CN                  |                        |  |
| 30.                               | NCS TCQLVT<br>2020                              | Bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Trường | Hội đồng                            | 08h30 ngày T7                   | Phòng<br>họp 3.1<br>A1 |  |
| 31.                               | NCS QLKT 2026                                   | Xét tuyển NCS                     | Hội đồng                            | 15h00 ngày T6                   | 204 A6                 |  |
| <b>Lịch thi kết thúc học phần</b> |                                                 |                                   |                                     |                                 |                        |  |
| 32.                               | QKTH 2025.1.1<br>QKTH 2025.2.1                  | Thi: Quản lý năng lượng           | Trần Hồng Hà                        | 09h00 sáng CN                   | 205 A6                 |  |
| 33.                               | QLNL 2025.1.1                                   | Thi: Quản lý năng lượng           | Trần Hồng Hà                        | 09h00 sáng CN                   | 205 A6                 |  |
| 34.                               | QLKT 2026.1.1                                   | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học    | Nguyễn Đình Duy<br>Phan Văn Chiêm   | 08h00 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 301 A6<br>209 A6       |  |
| 35.                               | QLKT 2026.1.2                                   | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học    | Mạc Văn Nam<br>Đỗ Thị Anh Thư       | 08h00 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 302 A6<br>209 A6       |  |
| 36.                               | QLVT 2026.1.1                                   | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học    | Lê Thị Minh Phương<br>Đặng Ngọc Lựu | 08h00 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 303 A6<br>207 A6       |  |

|     |                                                                                      |                                |                                    |                                 |                  |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|------------------|--|
| 37. | QLTC 2026.1.1<br>QTKD 2026.1.1                                                       | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học | Đặng Thị Vân Anh<br>Bùi Quốc Hưng  | 08h00 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 305 A6<br>207 A6 |  |
| 38. | Lớp XDDD, QLDA,<br>QLCA, QLHH,<br>QKTH, QLNL,<br>KTTT, CKTM,<br>QLMT, KTMT<br>2026.1 | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học | Hoàng Thị Thu Hà<br>Quách Thị Hà   | 08h00 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 306 A6<br>301 A6 |  |
| 39. | Lớp QLSX, KTĐT,<br>KTĐH, CNTT<br>2026.1                                              | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học | Lê Thị Hồng Loan<br>Trần Việt Dũng | 08h00 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 207 A6<br>301 A6 |  |
| 40. | Lớp 02 - QLKT,<br>CNTT, KTĐT,<br>QLHH, QLSX,<br>QLVT, KTĐH (Bổ<br>sung 2026.1)       | Thi: Anh văn<br>Thi: Triết học | Phạm Thùy Linh<br>Mạc Văn Nam      | 08h30 sáng CN<br>14h00 chiều CN | 306 A6<br>209 A6 |  |

Lịch trực lãnh đạo: Lại Huy Thiện - T7, Nguyễn Kim Phương - CN

Lịch trực chuyên viên: Đỗ Tất Mạnh - T7, Đồng Phương Thanh - CN

**Viện trưởng Viện ĐTSĐH**

*(Đã ký)*

PGS.TS. Nguyễn Kim Phương

**Cán bộ phụ trách**

*(Đã ký)*

Trần Minh Tuấn